

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HS - ST

Ngày 12/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Tựu

Bà Lý Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Anh Trâm - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2026/TLST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nông Văn L, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1992 tại xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn B, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Lự Thị N, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 02. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0005017/QĐ-XPHC ngày 25/9/2025 của Công an xã N, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nông Văn L số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản. Nông Văn L chưa chấp hành quyết định xử phạt. Chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 10/QĐ-TA ngày 25/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh

Bắc Kạn (Cũ) đối với Nông Văn L, thời hạn 12 tháng. Nông Văn L chấp hành xong ngày 24/7/2024.

Nhân thân:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC ngày 24/01/2022 của Công an xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Cũ) xử phạt 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 30/3/2022 của Toà án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Cũ), tuyên phạt Nông Văn L 07 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Nông Văn L đã chấp hành xong bản án và đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh T từ ngày 08/01/2026 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Lữ Thị N, sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đồng Văn Đ, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn P, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 30/12/2025, Nông Văn L đi từ lán chăn nuôi của gia đình xuống nhà chính rồi ngồi ở bàn uống nước trong nhà. Khoảng 06 giờ 40 phút cùng ngày, bà Lữ Thị N sinh năm 1962, trú tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên (là mẹ ruột của Nông Văn L) để chiếc điện thoại màu đen có dòng chữ SAMSUNG trong túi vải và treo tại cột nhà trước buồng ngủ để sạc pin, sau đó đi lên lán chăn nuôi để chăn lợn. Lúc này L nhìn thấy chiếc điện thoại của bà N, nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại đem đi bán lấy tiền tiêu dùng. Khoảng 07 giờ cùng ngày, không thấy bà N quay lại nên L đã lấy trộm chiếc điện thoại rồi đi xe khách đến khu vực gần cổng Bệnh viện B1, thuộc thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên thì xuống xe, tại đây L gặp Đồng Văn Đ, sinh năm 1989, trú tại thôn P, xã C, tỉnh Thái Nguyên đang ngồi ăn sáng, L hỏi Đ có mua điện thoại không thì Đ trả lời là có, rồi L bán chiếc điện thoại vừa lấy trộm cho Đ được 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Sau đó, L gặp một người đàn ông không quen

biết tại khu vực cổng Bệnh viện B1 và hỏi mua ma túy thì được người đàn ông này bán cho L 01 (một) gói ma túy heroine với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Mua được ma túy L đi ra bãi đất trống đối diện cổng Bệnh viện B1, tự sử dụng hết gói ma túy đã mua được bằng hình thức tiêm trực tiếp vào cơ thể.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/12/2025, bà N phát hiện chiếc điện thoại di động đã bị mất, nghi ngờ người lấy trộm là Nông Văn L nên đã trình báo Công an xã N, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã N đã triệu tập Nông Văn L đến làm việc, L khai nhận đã lấy trộm chiếc điện thoại của bà N đem bán cho Đồng Văn Đ. Cùng ngày 30/12/2025, Công an xã N đã triệu tập Đồng Văn Đ tiến hành lấy lời khai, Đ khai nhận việc mua chiếc điện thoại với L và giao nộp chiếc điện thoại để phục vụ điều tra theo quy định.

Tại kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTSTX ngày 30/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Thái Nguyên, kết luận: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, mặt sau màu đen có dòng chữ SAMSUNG, điện thoại đã qua sử dụng có tên GALAXY A11, tại thời điểm ngày 30/12/2025 trị giá 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Cùng ngày 30/12/2025, Công an xã N phối hợp với Trạm Y tế Nghiên Loan xét nghiệm chất ma túy đối với Nông Văn L, cho kết quả dương tính. Sau xét nghiệm, đã thu mẫu nước tiểu của Nông Văn L (đựng trong chai nhựa có dòng chữ “VIVANT nước khoáng thiên nhiên” niêm phong bằng giấy dán niêm phong ký hiệu L2 để gửi đi giám định.

Tại Kết luận giám định số 463/KL-KTHS ngày 28/01/2026 của V Bộ C1, kết luận: Tìm thấy sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy Heroine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nông Văn L (Ký hiệu L2) gửi giám định.

Kết quả điều tra xác định: Ngày 25/5/2023, Nông Văn L bị Toà án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn (cũ) ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 12 (Mười hai) tháng, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn, đến ngày 24/7/2024, Nông Văn L chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc và trở về địa phương sinh sống. Ngày 26/7/2024, Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (cũ) ra Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đối với Nông Văn L, thời hạn quản lý từ ngày 26/7/2024 đến ngày 26/7/2026. Mặc dù đang trong thời gian bị quản lý sau cai nghiện ma túy, nhưng ngày 30/12/2025, Nông Văn L đã có hành vi trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền đi mua ma túy về sử dụng. Do đó, hành vi của Nông Văn L đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, Nông Văn L khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của bản thân, do không có tiền chi tiêu cá nhân và thấy sơ hở trong quản lý tài sản của bà N nên đã nảy sinh ý định và đã lấy trộm chiếc điện thoại của bà N. Bản thân L vào tháng 01/2022 bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đến tháng 3/2022 bị Tòa án xét xử và tuyên phạt 07 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống đến ngày 25/9/2025 bị Công an xã N, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đem bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng. Lời khai của Nông Văn L phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vật chứng, tài sản tạm giữ của vụ án: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, mặt sau màu đen có dòng chữ SAMSUNG, điện thoại đã qua sử dụng có tên GALAXY A11, là vật chứng của vụ án. Kết quả điều tra xác định, là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Lữ Thị N, bà N yêu cầu được trả lại. Xét thấy việc trả lại chiếc điện thoại trên cho bà N không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, ngày 17/02/2026 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số A428/QĐ-VPCQCSĐT bằng hình thức trả lại chiếc điện thoại cho bà N.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lữ Thị N đã được trả lại tài sản, không yêu cầu Nông Văn L bồi thường thiệt hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn Đ không yêu cầu Nông Văn L trả lại số tiền 200.000đ. Ngoài ra, bà N và ông Đ không có yêu cầu gì khác liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng.

Tại bản cáo trạng số 13CT-VKSKV9 ngày 09/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên để xét xử Nông Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên giữa nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 9 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, mặt sau màu đen có dòng chữ SAMSUNG, điện thoại đã qua sử dụng có tên GALAXY A11, là vật chứng của vụ án. Kết quả điều tra xác định, là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Lữ Thị N, bà N yêu cầu được trả lại. Xét thấy việc trả lại chiếc điện thoại trên cho bà N không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, ngày 17/02/2026 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số A428/QĐ-VPCQCSĐT bằng hình thức trả lại chiếc điện thoại cho bà N.

Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Tuy nhiên bị cáo không có đơn xin miễn án phí do vậy bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Nông Văn L đã trộm cắp 01 điện thoại di động mặt sau màu đen có dòng chữ SAMSUNG của bà Lữ Thị N có trị giá 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Mặc dù lần trộm cắp này trị giá tài sản dưới 2.000.000 đồng, nhưng trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng vẫn tiếp tục vi phạm, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về lần trộm cắp này.

Bị cáo Nông Văn L là người đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy tại Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú số 202/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Cũ) đối với Nông Văn L, thời hạn từ 26/7/2024 đến 26/7/2026, nhưng ngày 30/12/2025 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy được chứng minh bởi Kết luận giám định số 463/KL-KTHS ngày 28/01/2026 của V Bộ C1, kết luận: Tìm thấy sản phẩm chuyển hoá của chất ma túy Heroine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nông Văn L (Ký hiệu L2) gửi giám định Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nông Văn L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm tới chính sách về quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc bị cáo Nông Văn L bị Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Tội Sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

...

b) Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy;

..."

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu do bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử và đã bị xử phạt hành chính, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Về tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy bị cáo không có tài sản, không có việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lữ Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, mặt sau màu đen có dòng chữ SAMSUNG, điện thoại đã qua sử dụng có tên GALAXY A11, là vật chứng của vụ án. Kết quả điều tra xác định, là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Lữ Thị N, ngày 17/02/2026 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số A428/QĐ-VPCQCSĐT bằng hình thức trả lại chiếc điện thoại cho bà N.

[6]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát:

Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên đại diện viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tội sử dụng trái phép chất ma túy là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[7]. Xem xét, đánh giá hành vi của những người liên quan.

Đối với Đồng Văn Đ (Sinh năm 1989; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn P, xã C, tỉnh Thái Nguyên): Ngày 30/12/2025, Đ đã mua chiếc điện thoại do Nông Văn L trộm cắp mà có, tuy nhiên khi mua bán Đ không biết chiếc điện thoại là tài sản do phạm tội mà có, do đó không xem xét xử lý đối với Đồng Văn Đ.

[8]. Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Tuy nhiên bị cáo không có đơn xin miễn án phí, do vậy bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

[2]. Về hình phạt chính.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn L 9 (C) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn L 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Nông Văn L phải chịu 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

[5]. Về vật chứng: Không có

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nông Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7]. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Thái Nguyên. (03b)
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- Trại tạm giam số 02 - Công an tỉnh Thái Nguyên
- Công an xã Nghiên Loan. (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Bị hại. (01b)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (01b)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Thanh Tuấn

